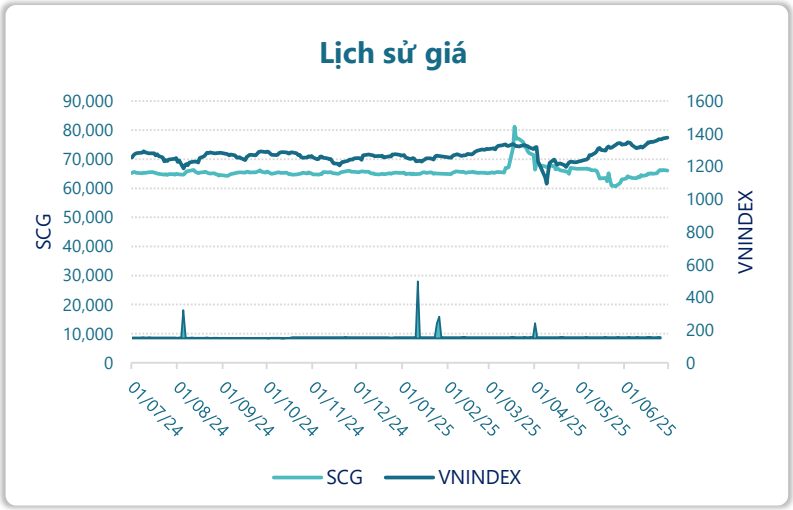
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**66,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,700
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,795
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,619
P/E	32.8
EPS	2,018

DT thuần

Q2/25

1,775

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,512| 575%

YoY: ▲ 1,222| 221%

LN sau thuế

Q2/25

94.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 84.0| 771%

YoY: ▲ 11.0| 13.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.2%

+/- YoY: ▼ 17.8%

DT thuần

6T 2025

2,038

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,319| 184%

LN sau thuế

6T 2025

106

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.1| 15.1%

ROE

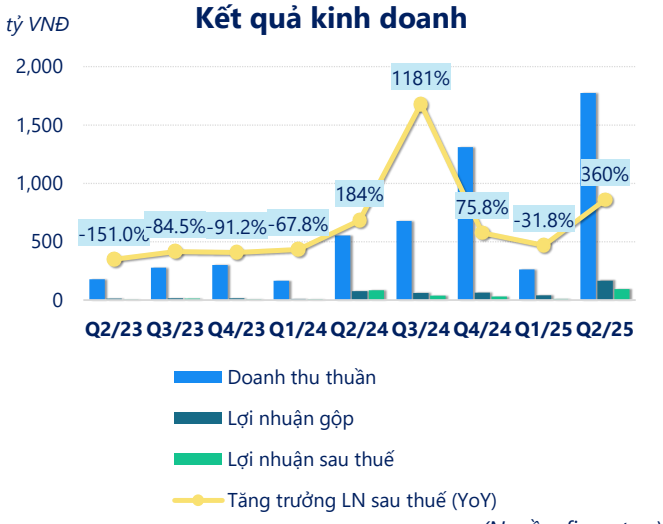
Q2/25

12.6%

+/- YoY: ▲ 3.3%

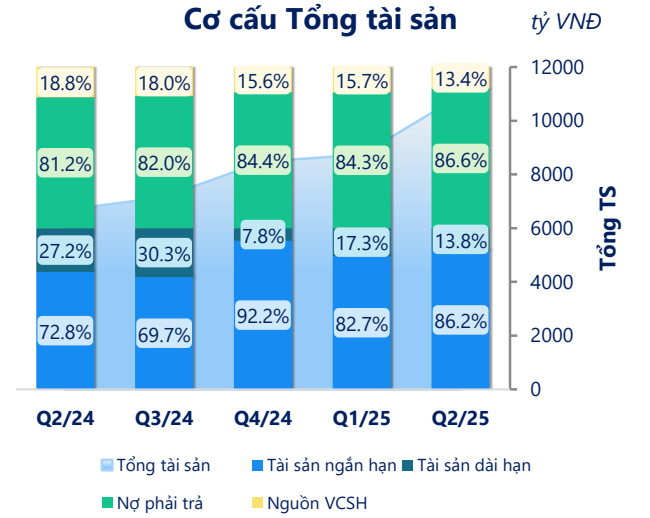
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



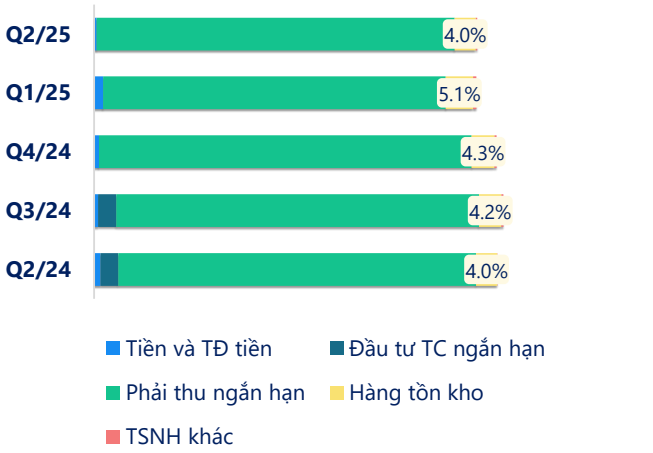
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



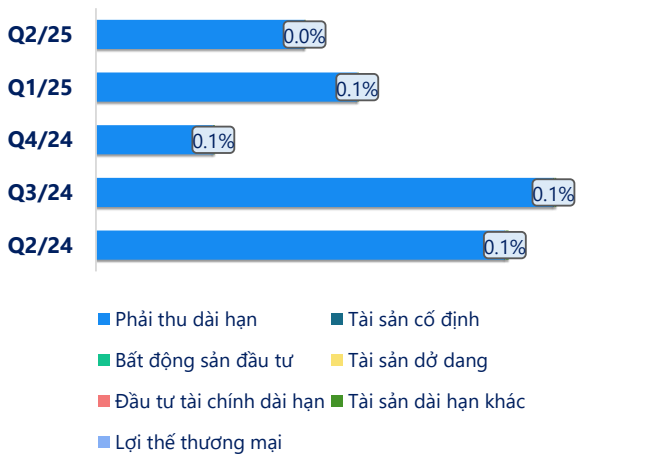
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



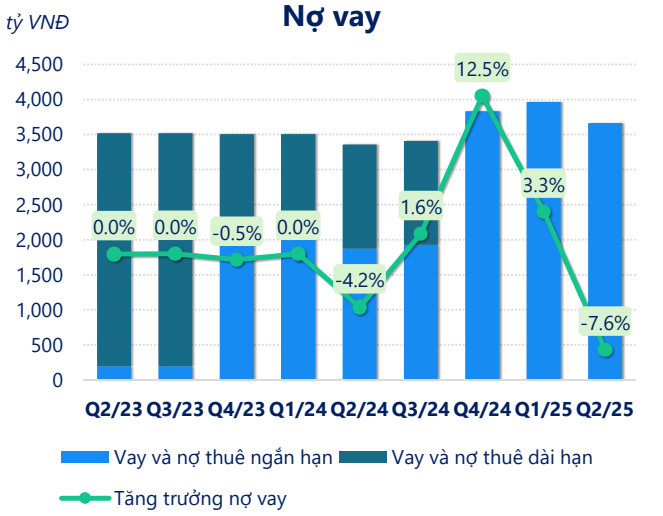
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



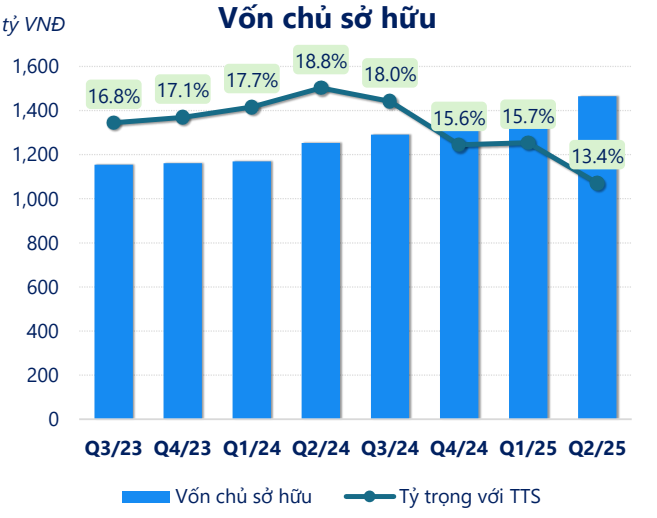
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



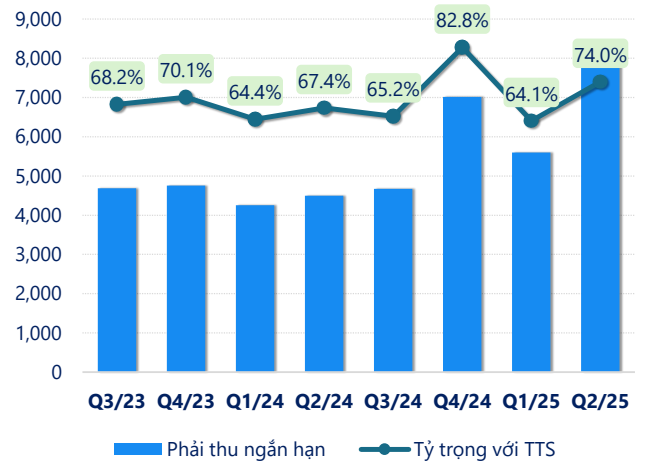
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



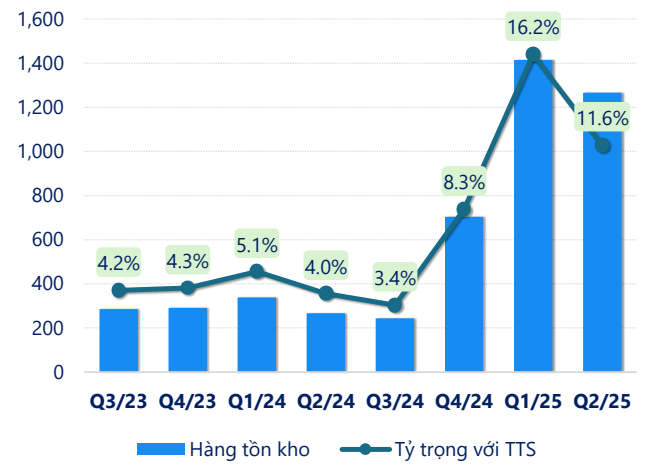
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



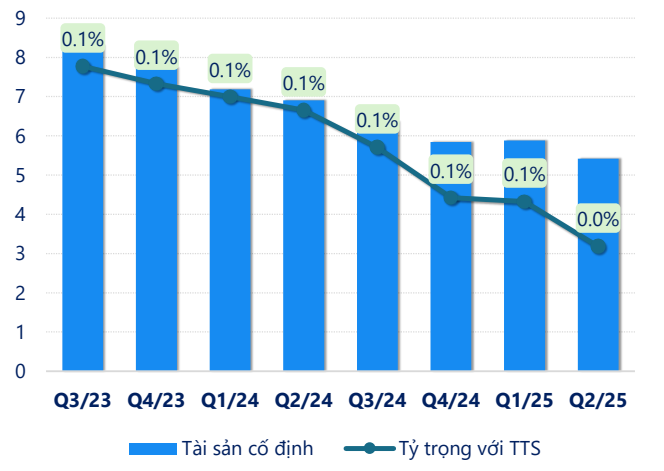
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



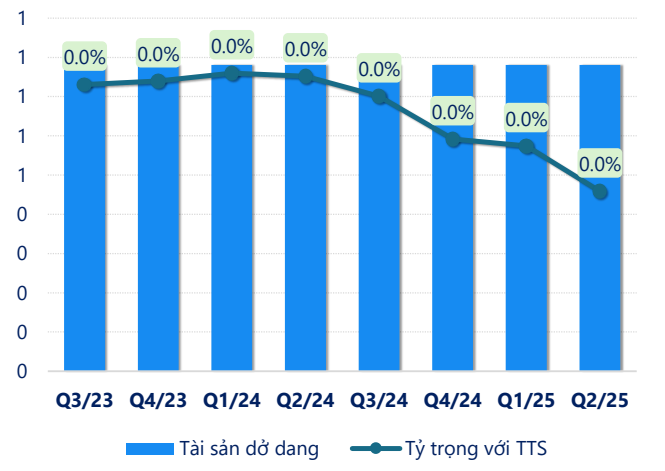
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



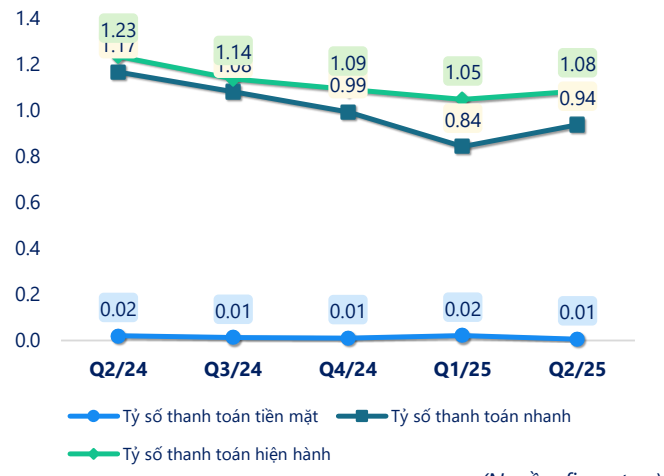
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



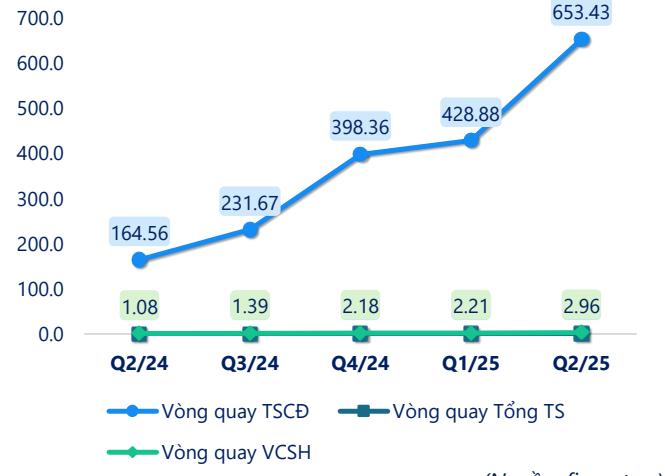
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,672**	**7,158**	**8,480**	**8,738**	**10,943**
Tài sản ngắn hạn	**4,860**	**4,989**	**7,815**	**7,227**	**9,431**
Tiền và tương đương tiền	80.1	54.2	78.1	148	48.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	4,494	4,669	7,018	5,597	8,102
Hàng tồn kho	267	244	704	1,414	1,267
Tài sản ngắn hạn khác	19.5	22.1	15.2	67.4	14.4
Tài sản dài hạn	**1,812**	**2,169**	**665**	**1,511**	**1,511**
Phải thu dài hạn	1,792	2,152	652	1,500	1,500
Tài sản cố định	6.90	6.36	5.84	5.88	5.41
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.78	0.78	0.78
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.7	9.46	5.61	4.64	5.06
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,419**	**5,868**	**7,160**	**7,368**	**9,477**
Nợ ngắn hạn	**3,937**	**4,386**	**7,160**	**6,895**	**8,701**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,874	1,926	3,835	3,963	3,663
Phải trả người bán ngắn hạn	720	791	1,055	874	1,048
Nợ dài hạn	1,482	1,482	0	473	777
Vay và nợ thuê dài hạn	1,482	1,482	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,253**	**1,290**	**1,319**	**1,370**	**1,465**
Vốn chủ sở hữu	**1,253**	**1,290**	**1,319**	**1,370**	**1,465**
Vốn điều lệ	850	850	850	850	850
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)